TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-ST
Ngày 14-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ

Bà Trần Thị Hoài Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 541/2022/TLST-DS ngày 24/10/2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Cư trú tại: Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Sa L, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Khóm B, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2022 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa ông Nguyễn Việt S trình bày:

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sa L có mua loa kéo, 01 điện thoại Sam sung tại cửa hàng ông và còn nợ số tiền 10.000.000 đồng, bà H và ông Nguyễn Sa L nhận loa kéo và có ký tên vào biên nhận nợ ngày 24/12/2020, thỏa thuận thời gian thanh toán đến ngày 24/01/2021, Ngày

28/02/2021, 28/3/2021, 05/4/2021 và 24/02/2022 bà H có trả tổng cộng 4.000.000 đồng, còn nợ lại 6.000.000 đồng đến nay không trả. Nay ông yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sa L phải trả 6.000.000 đồng tiền nợ và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 24/01/2021 đến nay.

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sa L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai, chứng cứ cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Việt S khởi kiện bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sa L yêu cầu trả tiền nợ mua tài sản nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sa L cùng cư trú tại khóm B, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sa L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Nguyễn Việt S xác định bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sa L có mua loa kéo, điện thoại di động hiệu Sam Sung và còn nợ tổng số tiền 6.000.000 đồng, ông S yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sa L cùng trả số tiền 6.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 24/01/2021 đến ngày giải quyết vụ án. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Nguyễn Việt S cung cấp biên nhận nợ ngày 24/12/2020 có bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sa L ký tên. Theo đó, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sa L không thực hiện đúng thỏa thuận về thời gian trả nợ là đến ngày 24/01/2021 nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sa L cũng không có ý kiến phản đối về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông S cung cấp, cũng không có yêu cầu phản tố. Do đó, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sa L liên đới nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền 6.000.000 đồng và chịu lãi suất trên số tiền chậm trả kể từ ngày 24/01/2021 đến ngày xét xử vụ án theo Điều 440 và Điều 357 của Bộ luật dân sự. Tại Điều 357 của Bộ luật dân sự quy định:

"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".

Do các đương sự không thỏa thuận được về mức lãi suất cụ thể nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết.

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.*"

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực".*

Như vậy, mức lãi suất được áp dụng là 10%/năm (0,83%/tháng). Thời gian vi phạm nghĩa vụ và nguyên đơn yêu cầu tính lãi là từ ngày 24/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 14/3/2023 là 25 tháng 18 ngày là: 6.000.000 đồng x 0,83% x 13 tháng, 08 ngày = 1.274.808 đồng. Tổng tiền vốn và lãi là 7.274.808 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sa L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sa L liên đới nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền nợ gốc và lãi là 7.274.808 (bảy triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm lẻ tám) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sa L phải chịu 363.740 (ba trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi) đồng. Ông Nguyễn Việt S đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018326 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Nay hoàn trả toàn bộ cho ông Nguyễn Việt S 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Việt S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sa L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- CCTHADS huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thị Vẹn